ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 86 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 01 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh quy định chính sách miễn giá vé xe buýt đưa đón học sinh đến trường trên địa bàn các phường Hạ Long, Hồng Gai và Hà Tu, thành phố Quảng Ninh năm học 2026 - 2027;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 159/TTr-SXD ngày 29/8/2026 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Quảng Ninh, Báo cáo số 8471/BC-SXD ngày 29/8/2026 về việc tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của UBND thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn thành phố Quảng Ninh; ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh (nay là thành phố Quảng Ninh),

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện loại nhỏ (có sức chứa đến 40 hành khách) phục vụ đưa đón học sinh đến trường theo chính sách miễn giá vé xe buýt quy định tại Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của HĐND thành phố Quảng Ninh.

b) Đối tượng áp dụng: Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường theo chính sách miễn giá vé xe buýt được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng:

a) Chủ trì theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện hoạt động vận tải bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường; thu thập, tổng hợp, rà soát, đối chiếu và đánh giá số liệu thực tế về tổ chức vận hành, sản lượng khai thác, mức tiêu hao và các yếu tố hao phí có liên quan để đánh giá mức độ phù hợp của định mức kinh tế - kỹ thuật; kịp thời tham mưu ban hành định mức chính thức bảo đảm theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng đơn giá, giá dịch vụ vận tải bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành và các quy định của pháp luật về giá; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

c) Trong quá trình thực hiện, trường hợp có thay đổi về điều kiện tổ chức vận tải, phương tiện, công nghệ, quy trình vận hành hoặc các yếu tố làm ảnh hưởng đến mức hao phí thực tế, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung định mức theo quy định.

d) Định kỳ hoặc khi cần thiết, tổng hợp kết quả theo dõi, đánh giá việc áp dụng định mức, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, chỉ đạo.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng trong việc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời số liệu, thông tin về quá trình tổ chức, vận hành, sản lượng khai thác, mức tiêu hao và các yếu tố hao phí thực tế có liên quan; chịu trách nhiệm về tính

chính xác của số liệu, thông tin cung cấp, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá và rà soát, hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá và rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này có hiệu lực áp dụng tạm thời trong thời gian thực hiện chính sách miễn giá vé xe buýt đưa đón học sinh đến trường của thành phố Quảng Ninh cho đến khi đủ điều kiện ban hành định mức chính thức.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; các đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải bằng xe buýt điện phục vụ đưa đón học sinh đến trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ TP
- TT Thành ủy; TT HĐND thành phố
(để b/c)
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT, GT1.

Ký bởi: Trương Thế Bình

Ký bởi: Nguyễn Phúc Vinh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Ánh

Phụ lục:

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TẠM THỜI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐIỆN PHỤC VỤ ĐƯA ĐÓN HỌC SINH ĐẾN TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 86/2026/QĐ-UBND ngày 01/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh)

1. ĐỊNH MỨC KHẤU HAO PHƯƠNG TIỆN

Loại xe	Xe buýt điện nhỏ
Tỷ lệ khấu hao/năm	10%

2. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CỦA LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

TT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức cho lái xe, nhân viên phục vụ
1	Thời gian làm việc một ca lao động	Giờ/ca	8
2	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	26
3	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	306
4	Hệ số ngày làm việc		1,19
5	Hệ số ca lao động bình quân/ngày	Ca lao động/ngày	1
6	Hành trình bình quân 1 ngày xe	Km/ngày xe	50
7	Số lao động lái xe, nhân viên phục vụ	Người/ca	2

3. ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG CHO LÁI XE, NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE

TT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức cho lái xe, nhân viên phục vụ
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,25
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	2/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,55
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với lái xe		0,9
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với nhân viên phục vụ trên xe		0,9
7	Tiền lương cơ sở		Theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

Ghi chú:

1. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp 2. Ăn ca 3. Lương cơ sở	theo chế độ quy định hiện hành của nhà nước

4. Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = Hệ số lương x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương)

4. ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

TT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Xe buýt điện nhỏ	Kwh/100 km	**70,2**

Ghi chú: Các xe có tuổi đời hoạt động từ năm thứ 5 trở đi áp dụng hệ số điều chỉnh là: 1,05

5. ĐỊNH MỨC BẢO DƯỠNG NGÀY

TT	Nội dung	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Rửa xe, vệ sinh trong xe	0,2	3
2	Kiểm tra, điều chỉnh tình trạng đảm bảo kỹ thuật phương tiện	0,2	4
	Tổng	**0,4**	

6. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP I (Km): 5.000

7. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, … thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.

TT	Nội dung công việc
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, …. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, …
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

8. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, … thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,50	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.	0,50	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,50	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	3
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	5
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.	2,00	5
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	3
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,50	4
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	4
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, …	2,00	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công	Cấp bậc
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	4
		17,00	

9. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

10. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP II (Km): 10.000

11. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát động cơ điện.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.

TT	Nội dung công việc
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
17	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau.
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

12. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát động cơ điện.	2,00	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê	0,25	3
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,50	5
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	5
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,50	5
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,50	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,50	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,50	5
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	3
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	4
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	4
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,00	5
17	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau.	1,00	5
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,50	4
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	4
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	4
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …	2,00	5
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	3
	Cộng	**19,25**	

13. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

14. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP III (Km): 15.000

15. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP III

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.

TT	Nội dung công việc
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, … thuộc hệ thống gầm và khoang sau.
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.

TT	Nội dung công việc
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
32	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

16. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP III

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, … thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	5
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện	0,50	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có	0,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau		
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,50	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	5
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	0,50	5
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	3
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	5
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4,00	5
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	5
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,00	5
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	5
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,50	5
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.	2,00	5
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra	0,50	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ		
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	4
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	4
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
32	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)	0,50	5
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …	2,00	5
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	3
	Cộng	**32,25**	

17. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP III

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

18. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP IV (Km): 20.000

19. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP IV

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.

TT	Nội dung công việc
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
21	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, …
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

20. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP IV

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	5
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,25	5
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,50	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,50	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,50	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.	0,50	4
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.	0,50	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.	0,50	4
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.	0,50	5
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	4
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	4
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.	0,50	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	5
21	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,50	5
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,50	4
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.	0,50	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, …	2,00	5
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	3
	Cộng	**20,25**	

21. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP IV

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1

22. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP V (Km): 30.000

23. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP V

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.
11	Kiểm tra , bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo

TT	Nội dung công việc
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng
25	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện (≥5MΩ).
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện (≥10MΩ)
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.

TT	Nội dung công việc
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,..
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trì cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.
53	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

24. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP V

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa	4,00	3

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	két nước làm mát.		
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	0,50	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,50	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,50	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,50	5
11	Kiểm tra , bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,50	4
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	5
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1,00	5
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	4
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	5
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	5
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4,00	5
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	5
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	5
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,50	5
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng	2,00	5
25	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,50	5
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	4
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	4
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	4
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện (≥5MΩ).	0,50	5
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất	0,50	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	nguyên vẹn.		
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện (≥10MΩ)	1,00	5
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	1,50	4
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	0,50	4
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2,00	4
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.	0,50	4
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,..	0,50	4
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.	0,50	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,25	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,50	3
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trì cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,50	3
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,50	3
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,50	3
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,50	3
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,50	3
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,50	4
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,50	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	3
53	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,50	3
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)	0,50	5
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …	2,00	5
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	3
	Cộng	**47,75**	

25. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP V

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
1	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	2,0	2,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3,0	3,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	2,0	2,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1

26. ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP VI (Km): 60.000

27. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP VI

TT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.

TT	Nội dung công việc
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan
21	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô

TT	Nội dung công việc
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phớt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện câng bằng lốp, đảo lốp
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.
35	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện (≥5MΩ)
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin (≥5MΩ)
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện (≥10MΩ)
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng,

TT	Nội dung công việc
	các điểm tiếp xúc tốt.
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,..
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà
51	Đo điện trở cách điện điều hoà (≥10MΩ)
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trì cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định
65	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

28. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP VI

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	3
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	4,00	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	4
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin	15,00	5
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1,00	5
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.	1,00	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,50	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,50	5
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,50	5
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	4
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.	0,50	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.	0,50	4
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.	0,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,50	4
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	5
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1,00	5
21	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	4
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát,…. Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	5
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,50	5
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,50	4
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	5
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	5
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước	1,00	4
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1,00	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phớt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.	4,00	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	4
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	4
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện câng bằng lốp, đảo	1,00	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	lốp		
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.	2,00	5
35	Kiểm tra dấu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,50	5
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	3
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện (≥5MΩ)	0,50	4
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	0,50	5
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin (≥5MΩ)	0,50	5
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	5
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	3
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	4
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,50	4
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện (≥10MΩ)	1,00	5
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,50	4
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,50	4
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2,00	4
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.	1,00	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,..	0,50	4
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà	0,50	4
51	Đo điện trở cách điện điều hoà (≥10MΩ)	0,50	4
52	Thay thế lọc ẩm ga lạnh điều hoà nếu cần.	0,50	4
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,50	4
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,50	3
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trì cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,50	3
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,50	3
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,50	3
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,50	3
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,50	3
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,50	3
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	4
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	4
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,50	4
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	3
65	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	3
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, …)	0,50	5
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	4
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu	1,50	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, …		
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	3
	Cộng	**68,50**	

29. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ BẢO DƯỠNG CẤP VI

TT	Tên vật tư phụ tùng	Đơn vị	Số lượng
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	2,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1
7	Má phanh	Bộ	1
8	Lọc khô khí nén	Cái	1
9	Lọc gió máy nén	Cái	1
10	Dầu trợ lực lái	lít	2,9

30. ĐỊNH NGẠCH SỬA CHỮA LỚN XE VÀ TỔNG THÀNH

Loại xe	Định mức sửa chữa lớn lần đầu (1000 Km)			
	Gầm và truyền lực	Điện	Điều hòa	Thân vỏ và khung xe
Xe buýt điện nhỏ	260	260	240	300

Ghi chú: Định ngạch sửa chữa các lần tiếp theo bằng 90% định ngạch lần trước liền kề.

31. ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG SỬA CHỮA LỚN

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I	**Phần gầm và truyền lực**		
1.	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2.	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3.	Nhíp hơi	cái	120.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
4.	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300.000
5.	Tổng phanh	cái	120.000
6.	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000
7.	Cảm biến phanh ABS	cái	120.000
8.	Hộp tay lái	cái	300.000
9.	Vành tay lái + phím còi	bộ	300.000
10.	Bi moay ơ	vòng	84.000
11.	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000
12.	Bánh răng các loại	bộ	300.000
13.	Giảm chấn	cái	84.000
14.	Bạc càng chữ A	cái	84.000
15.	Các loại van hơi	bộ	120.000
16.	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000
17.	Bầu phanh trước, sau	cái	300.000
18.	Cao su bầu phanh	cái	60.000
19.	Gioăng phớt tay lái	bộ	120.000
20.	Gioăng phớt cầu sau	bộ	60.000
21.	Phớt moay ơ	bộ	24.000
22.	Bulông tắc kê	cái	120.000
23.	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000
24.	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300.000
25.	Bô vi sai	bộ	300.000
26.	Trục láp	cái	300.000
27.	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300.000
28.	Rô tuyn lái	cái	120.000
29.	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120.000
30.	Đĩa phanh	cái	150.000
31.	La Jăng	cái	500.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
32.	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
33.	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000
34.	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300.000
35.	Các loại bình hơi	cái	300.000
36.	Các loại tuy ô cao su	cái	60.000
37.	Các loại vòng bi cầu	vòng	180.000
38.	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000
39.	Bạc, ắc giằng cầu	cái	84.000
II	**Phần điện**		
1.	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240.000
2.	Bơm nước làm mát động cơ	cái	240.000
3.	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	270.000
4.	Bơm nước làm mát Pin	cái	240.000
5.	Hộp All in 1	Pin	300.000
6.	Pin (1 xe gồm 10 Pack Pin)	Hộp	540.000
7.	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện)	Hộp	300.000
8.	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300.000
9.	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300.000
10.	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300.000
11.	Còi điện	cái	50.000
12.	Môtơ gạt mưa	cái	100.000
13.	Thanh giằng gạt mưa	bộ	240.000
14.	Rơ le cắt mát	cái	120.000
15.	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120.000
16.	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120.000
17.	Bóng đèn các loại	cái	24.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
18.	Rơ le các loại	cái	80.000
19.	Công tắc các loại	cái	60.000
20.	Cáp ắc quy	cái	180.000
21.	Đồng hồ các loại	cái	180.000
22.	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
23.	Các loại cảm biến	cái	60.000
24.	Van điện từ điều khiển	cái	120.000
25.	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240.000
26.	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40.000
27.	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40.000
28.	Camera	bộ	240.000
29.	Màn hình camera	cái	40.000
30.	Nguồn màn hình camera	cái	40.000
31.	Ổ ghi camera	cái	240.000
32.	Bộ nguồn OBU	cái	240.000
33.	Đèn trần	bộ	120.000
34.	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
35.	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240.000
III	**Phần Điều hòa**		
1.	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000
2.	Bình lọc, làm khô	cái	72.000
3.	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000
4.	Môtơ quạt dàn lạnh	cái	132.000
5.	Môtơ quạt dàn nóng	cái	132.000
6.	Lưới lọc	bộ	48.000
7.	Cụm van máy nén	bộ	96.000
8.	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000
9.	Xéc măng máy nén	bộ	96.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
10.	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84.000
11.	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000
12.	Van tiết lưu	cái	144.000
13.	Tuy ô cao su	bộ	144.000
14.	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000
15.	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000
16.	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000
17.	Máy nén điều hòa	bộ	400.000
18.	Dàn lạnh	cái	400.000
19.	Dàn nóng	cái	400.000
20.	Bảng điều khiển	bộ	240.000
21.	Công tắc áp suất	cái	240.000
22.	Cụm đường ống cao áp	bộ	400.000
23.	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400.000
24.	Bình chứa	cái	400.000
25.	Ga điều hoà	kg	84.000
26.	Dầu máy nén	ml	84.000

32. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN GẦM VÀ TRUYỀN LỰC

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, … Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	50,00	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe , tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	- Tháo, lắp các bánh xe	3,40	3
	- Tháo, lắp moay ơ	13,60	3
	- Tháo, lắp dầm cầu sau	18,40	4
	- Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20,00	4
	- Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau.	6,00	4
	- Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8,00	4
	- Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,50	4
5	Kiểm tu các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết.	38,00	6
6	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,60	4
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.		
	- Thay bộ bạc, ắc trụ tay lái (Ắc phi nhê) (1 xe)	16,00	4
	- Thay các rô tuyn của càng A và đòn kéo (1 xe)	14,00	4
	- Thay bộ gioăng phớt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái.	10,45	5
	- Thay bơm trợ lực lái	5,00	4
	- Thay tuy ô trợ lực lái	4,00	5
	- Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3,40	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13,60	5
8	Sửa chữa hệ thống treo		
	- Thay bóng hơi (1 xe)	9,00	4
	- Sửa chữa thay thế đế bóng hơi (1 xe)	9,00	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,50	4
	- Thay thế giảm chấn (1 xe)	6,00	3
	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4,00	4
	Thay thế rô tuyn cân bằng (1 xe)	4,00	4
9	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh		
	- Thay tuy ô phanh	6,80	4
	- Thay tổng phanh hoặc phớt tổng phanh	5,10	5
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,40	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,10	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4,00	4
	- Thay bầu phanh (1 xe)	6,00	4
	- Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6,00	4
	- Thay má phanh	4,00	4
10	Thay thế đế + bầu lọc làm khô khí nén	3,00	4
11	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích. Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.	23,20	4
	Cộng	**386,50**	

33. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ SỬA CHỮA LỚN GẦM - TRUYỀN LỰC

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7
8	Mỡ bơm	Kg	0,7
9	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	2,0

34. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4,00	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kiêm biên bản nghiệm thu,…Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.	28,00	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Tháo, lắp động cơ điện	16,00	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2,00	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2,00	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2,00	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24,00	4
	Tháo, lắp pin (10 pack)	30,00	5
	Tháo, lắp inverter	5,00	5
	Tháo, lắp sbox	2,00	5
	Tháo, lắp all-in-one	4,00	5
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3,00	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Tháo, lắp loa, radio, micro…	3,00	4
	- Tháo, lắp khoang táp lô	3,00	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2,00	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xylanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	6,00	4
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4,00	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20,00	5
	- Tháo, lắp bó dây sát xi	24,00	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12,00	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16,00	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ắc quy	8,00	4
5	Sửa chữa động cơ điện		
	- Thay vòng bi	10,00	5
	- Đo kiểm rô to, stato	8,00	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18,00	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18,00	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18,00	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20,00	5
10	Hệ thống làm mát pin		
	- Tháo, lắp bơm nước	3,00	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5,00	4
	- Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1,00	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	1,00	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2,00	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Tháo, lắp dàn lạnh	1,00	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	1,00	4
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbox, inverter, all-in-one		
	- Tháo, lắp bơm nước	1,00	4
	- Tháo, lắp két nước	1,50	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3,00	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	0,50	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2,00	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24,00	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6,00	4
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8,00	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4,00	4
16	Thay thế các cổng sạc trên xe	4,00	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2,00	3
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6,00	5
	Cộng	**391,00**	

35. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10
4	Dây điện	M	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	5
7	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	2

8	Giẻ lau	Kg	2

36. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4,00	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kiêm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng…và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.	18,00	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Thu hồi ga	1,20	4
	- Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,40	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,60	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,80	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,20	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24,00	4
	- Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,40	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,50	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,20	5
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,40	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25,00	4
	- Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3,00	4
	- Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3,00	4
	- Tháo, lắp van tiết lưu	4,00	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7,20	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,20	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,20	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19,00	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9,60	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,60	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,60	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4,00	5
	Cộng	**234,10**	

37. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Dung dịch RP7	Lọ (400ml)	1
4	Dây điện	M	5
5	Giẻ lau	Kg	2
6	Điện để kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	kWh	10

38. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN THÂN VỎ VÀ KHUNG XE

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Tháo giỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chắn bùn xe	80,00	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540,00	5
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chắn bùn xe	528,00	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	225,00	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480,00	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140,00	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110,00	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe	390,00	5
	Cộng	**2493,00**	

39. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ SƠN TOÀN BỘ XE

TT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Định mức vật tư
1	Sơn chống gỉ	Lít	15
2	Sơn ghi lót	Lít	2
3	Sơn màu	Lít	13
4	Sơn gầm xe	Lít	8
5	Đông cứng lót	Lít	6,5
6	Dung môi pha sơn	Lít	3
7	Mỡ bơm	Kg	1
8	Giấy ráp các loại	Tờ (0,5 m)	9
9	Đông cứng màu	Lít	1
10	Bả keo hai thành phần	Kg	42
11	Vải giáp nga để mài	Mét	5
12	Băng dính	Cuộn	7
13	Giấy báo	Kg	1
14	Giẻ lau	Kg	4

40. ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG LỐP

TT	Loại xe	Loại	Số lượng	Định ngạch sử dụng (km)	
				Lốp ngoại	Lốp nội
1	Xe buýt điện nhỏ	255/70 R22.5	6	70.000	55.000

41. ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ẮC QUY

TT	Loại xe	Loại	Số lượng	Định ngạch sử dụng	
				Thời gian (tháng)	Quãng đường (km)
1	Xe buýt điện Nhỏ	12V-220Ah	2	18	110.000

42. ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG DẦU BÔI TRƠN

TT	Tên vật tư	Độ nhớt/Phẩm cấp	Số lượng	Định ngạch sử dụng (km)
1	Dầu cầu	80W90/GL5	9,0 lít	60.000
2	Dầu trợ lực	DEXTRON II/ PSF 3/ATF3	2,6 lít	120.000
3	Nước làm mát	J7184B/Havolin XLC	26,0 lít	200.000
4	Mỡ moay ơ	Shell Retinax Greases LX - 20 độ C đến +140 độ C	4,0 kg	260.000

43. ĐỊNH MỨC TRẠM SẠC

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức trạm sạc	%	3,99

Ghi chú: Định mức trạm sạc được xác định bằng tỷ lệ % chi phí trạm sạc (bao gồm chi phí khấu hao trạm sạc, hạ tầng phục vụ trạm sạc, chi phí lao động vận hành, năng lượng vận hành, chi phí bảo dưỡng duy trì trạm sạc) so với chi phí trực tiếp (chi phí vật tư trực tiếp và nhân công trực tiếp).

44. ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ PHÂN XƯỞNG

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý phân xưởng	%	10

Ghi chú: Định mức quản lý phân xưởng: được xác định theo tỷ lệ % trên chi phí sửa chữa lớn và chi phí bảo dưỡng thường xuyên (chi phí nhân công và bảo dưỡng thường xuyên).

45. ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ CHUNG

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức quản lý chung	%	8

Ghi chú: Định mức quản lý chung: được xác định theo tỷ lệ % trên tổng chi phí trực tiếp (chi phí vật tư trực tiếp và nhân công trực tiếp).

46. ĐỊNH MỨC LỢI NHUẬN ĐỊNH MỨC

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Định mức lợi nhuận định mức	%	0

Ghi chú: Do định mức áp dụng với mục đích hỗ trợ kinh phí nên không tính lợi nhuận

47. ĐỊNH MỨC KHÁC

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Bảo hiểm trách nhiệm dân sự	Lần/năm	1
2	Kiểm định	Lần/năm	1,4
3	Sử dụng đường bộ	Lần/năm	1